

QUAN NIỆM CỦA PH.ĂNGGHEN VỀ TÌNH YÊU, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TÁC PHẨM “NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC”

LÊ NGỌC ANH (*)

Tóm tắt: Trong “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph.Ăngghen đã luận giải mối quan hệ biện chứng giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình. Tình yêu, theo quan niệm của ông, là những giá trị cao quý, là quyền hết sức cơ bản của con người. Nhưng, để có được tình yêu và hôn nhân thật sự tự do, trước hết phải xoá bỏ chế độ tư hữu, xoá bỏ mọi sự áp bức, bóc lột. Tình yêu là cơ sở nền tảng của hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững; hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững là cái “nôi” nuôi dưỡng và bảo đảm cho tình yêu tồn tại lâu dài và ngày càng phát triển. Có thể nói, đó là thông điệp mà Ph.Ăngghen muốn gửi lại cho các thế hệ sau ông.

Khi nói về chủ nghĩa Mác, chúng ta thường đề cập đến những vấn đề, luận điểm, quan niệm được coi là then chốt lớn lao, làm nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận của học thuyết khoa học và cách mạng này. Một vấn đề không kém phần quan trọng và cũng rất lớn lao lại gắn liền với cuộc sống thường nhật của mỗi chúng ta – vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình mà Ph.Ăngghen đã tập trung trình bày trong một tác phẩm lớn - *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, lại ít khi được chúng ta đề cập tới.

Nhân kỷ niệm 185 năm ngày sinh Ph.Ăngghen (1820 - 2005), trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập tới vấn đề có ý nghĩa thời sự đó, khi mà trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đã xuất hiện không ít quan niệm lệch lạc về tình yêu, hôn nhân và gia đình.

Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước được Ph.Ăngghen viết trong vòng hai tháng, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1844 nhân có những công trình nghiên cứu của nhà khoa học tiến bộ người Mỹ - Luyxơ H.Moócgan về “Xã hội cổ đại” và cũng là để phần nào thực hiện di chúc của C.Mác khi ông phát hiện ra

bản tóm tắt tỉ mỉ các công trình nghiên cứu của H.Moócgan do C.Mác biên soạn vào những năm 1880 - 1881. Trong *Lời tựa* viết cho lần xuất bản thứ nhất tác phẩm này, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, “những chương sách sau đây, trên một mức độ nào đó, là sự thực hiện một di chúc. Chính C.Mác, chứ không phải ai khác, đã dự định trình bày những kết quả của công trình nghiên cứu của H.Moócgan gắn với những kết luận của công cuộc nghiên cứu lịch sử theo quan niệm duy vật của mình - trong những giới hạn nào đó, tôi có thể nói là của cả hai chúng tôi - và chỉ bằng cách đó mới làm sáng tỏ được tất cả ý nghĩa của những kết quả ấy” - “quan điểm duy vật lịch sử mà Mác đã phát hiện ra cách đây bốn mươi năm” (40 năm trước 1884 - L.N.A.) và “Moócgan đã phát hiện lại, theo cách của ông”, “khi so sánh thời đại dã man với thời đại văn minh... trên những điểm chủ yếu”(1).

Trong tác phẩm này, tác phẩm mà như V.I.Lênin đánh giá, “là một trong những tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa xã hội hiện đại, trong đó ta có thể tin vào từng

(*) Thạc sĩ, Trưởng phòng Thư viện, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 43.

câu, ta có thể chắc chắn rằng mỗi câu đó không phải đã viết một cách thiếu suy nghĩ, mà nó căn cứ vào những tài liệu lịch sử và chính trị hết sức dồi dào”(2), lần đầu tiên, việc luận giải một cách khoa học, duy vật về lịch sử nhân loại ở các giai đoạn sớm nhất đã được Ph.Ăngghen trình bày một cách có hệ thống. Trong đó, khi đề cập đến vấn đề gia đình, ông không chỉ trình bày lịch sử hình thành và phát triển của gia đình, mà còn làm rõ vị trí và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

Khi khẳng định theo quan điểm duy vật - “nhân tố quyết định trong lịch sử, quy đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp”, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, bản thân sự sản xuất đó luôn có hai mặt, một mặt là quá trình sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt, như thực phẩm, quần áo, nhà ở, v.v. và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những vật phẩm tiêu dùng thiết yếu ấy; mặt khác “là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống”. Và, những trật tự xã hội mà trong đó, các cộng đồng người của một thời đại lịch sử nhất định, của một quốc gia nhất định đang sinh sống, “là do hai loại sản xuất quy định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”(3).

Với quan niệm đó, Ph.Ăngghen cho rằng, trong những giai đoạn đầu tiên của sự phát triển xã hội, các quan hệ gia đình, những mối dây thân tộc đã có ảnh hưởng lớn tới chế độ xã hội, tới sự phát triển của xã hội, nhưng khi các lực lượng sản xuất càng phát triển thì tình hình đó đã có sự thay đổi. Sự phát triển của sản xuất, của năng suất lao động và chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện đã phá vỡ xã hội cũ dựa trên những quan hệ thị tộc và thay vào đó là một xã hội mới mà trong đó, “chế độ gia đình hoàn toàn bị quan hệ sở hữu chi phối, và trong đó, từ nay trở đi, những mâu thuẫn giai cấp cùng với đấu tranh giai cấp, cấu thành nội dung

của toàn bộ lịch sử thành văn từ trước đến nay, đều phát triển một cách tự do”(4).

Từ lập trường duy vật biện chứng, khi phân tích sự phát triển và thay đổi của những hình thái gia đình đã có trong lịch sử phát triển xã hội theo những biến đổi diễn ra trong phương thức sản xuất, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, ở thời kỳ đầu của lịch sử nhân loại đã từng tồn tại những hình thức khác nhau của chế độ quân hôn, sau đó đã xuất hiện hôn nhân đối ngẫu, kết hợp những đôi riêng lẻ trong một thời kỳ ít nhiều kéo dài và cuối cùng chế độ một vợ một chồng đã xuất hiện. Khi nhận thấy việc chỉ dựa vào những tài liệu của H.Moócgan là không đủ, Ph.Ăngghen đã sử dụng cả những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học khác, trong đó có cả những tác phẩm văn học, nghệ thuật cổ đại, đặc biệt là trường ca của Hôme và các tác phẩm thi ca của văn học dân gian. Khi bổ sung để hoàn chỉnh tác phẩm này cho lần xuất bản thứ tư (1891), ông còn sử dụng cả công trình nghiên cứu về lịch sử chế độ công xã nguyên thủy, về sự phát sinh và phát triển của gia đình và chế độ tư hữu của nhà khoa học người Nga - M.M.Côvalépki (1851 - 1916). Nhờ đó, Ph.Ăngghen đã chứng minh được rằng, những công xã gia đình gia trưởng ở các dân tộc Slavơ và phương Đông đã tạo ra bước quá độ từ hình thái gia đình do chế độ quân hôn sinh ra và dựa trên chế độ mẫu quyền tới gia đình gia trưởng (gia đình cá thể) hiện đại.

Theo Ph.Ăngghen, nền kinh tế gia đình cộng sản nguyên thủy mà trong đó, người phụ nữ giữ vai trò chủ yếu, là cơ sở kinh tế của những hình thái gia đình đầu tiên. Những người phụ nữ giữ vị trí thống trị trong nền kinh tế ấy thường thuộc về một thị tộc, trong khi đó thì những người đàn ông lại thuộc các thị tộc khác. Do vậy, quan hệ thân tộc chỉ được xác lập theo hệ

(2) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.39. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, tr.78.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 44.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 44 - 45.

mẹ. Cùng với sự phát triển của các lực lượng sản xuất, ảnh hưởng của người phụ nữ trong đời sống kinh tế và trong các quan hệ xã hội bị giảm sút. Khi chế độ tư hữu xuất hiện, mẫu quyền bị sụp đổ và cùng với đó là bước chuyển sang chế độ thừa kế theo hệ cha. Thông qua hình thức trung gian của hình thái gia đình gia trưởng, chế độ hôn nhân cá thể và gia đình một vợ một chồng đã xuất hiện và duy trì cho đến tận ngày nay. Tuy nhiên, khi chế độ hôn nhân cá thể mới xuất hiện, theo Ph.Ăngghen, nó tuyệt nhiên không phải là “kết quả của tình yêu cá nhân giữa trai và gái” và cũng tuyệt nhiên “không dính dáng gì đến thứ tình yêu này cả”, không phải là “sự liên kết hoà hợp giữa đàn ông và đàn bà, và càng không phải là hình thức liên kết cao nhất” mà trái lại, “nó thể hiện ra là một sự nô dịch của giới này đối với giới kia, là việc tuyên bố sự xung đột giữa hai giới, sự xung đột mà người ta chưa từng thấy trong suốt thời kỳ tiền sử”. Và, “hôn nhân cá thể là một bước tiến lịch sử lớn, nhưng đồng thời nó cũng mở ra, bên cạnh chế độ nô lệ và tài sản tư nhân, một thời đại kéo dài cho đến ngày nay, thời đại trong đó mỗi bước tiến đồng thời cũng là một bước lùi tương ứng, trong đó phúc lợi và sự phát triển của những người này được thực hiện bằng sự đau khổ và bị áp chế của những người khác”(5).

Với quan niệm đó, Ph.Ăngghen đã phê phán một cách gay gắt đối với hình thái gia đình tư sản hiện đại mà các nhà tư tưởng tư sản khi đó tán dương như là một hình thức gia đình lý tưởng, như là hiện thân cao nhất của đạo đức. Trên thực tế, Ph.Ăngghen chỉ rõ, cơ sở gia đình loại này thường là một cuộc “hôn nhân có tính toán” và do vậy, trong cuộc hôn nhân này, bên cạnh việc người chồng đang “tô điểm” cho cuộc sống riêng tư của anh ta bằng việc có nhiều vợ không chính thức và bằng việc lui tới các nhà chứa, lại có việc người vợ bị bỏ rơi đang cố làm cho người chồng hợp pháp của mình “bị mọc sừng” trong những trường hợp có thể. Tuy nhiên, trong

xã hội tư sản, trong các giai cấp bị áp bức, trước hết là giai cấp vô sản, Ph.Ăngghen nhấn mạnh, đang hình thành những cuộc hôn nhân mà trong đó, tình cảm yêu thương và kính trọng lẫn nhau giữ vai trò quyết định. Đó là sự liên kết tự nguyện của những con người bình đẳng.

Coi hôn nhân cá thể là hình thức tế bào của xã hội văn minh, hình thức mà chúng ta có thể dựa vào đó để nghiên cứu bản chất của hình thái gia đình trong xã hội cộng sản văn minh, Ph.Ăngghen đã đưa ra những dự báo về sự biến đổi hình thái gia đình ấy khi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bị xoá bỏ. Ông cho rằng, khi các tư liệu sản xuất được chuyển thành tài sản xã hội thì “gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa” và “nền kinh tế gia đình tư nhân biến thành một ngành lao động xã hội”, “việc nuôi dạy con cái trở thành công việc của xã hội”(6). Khi đó, “một thế hệ mới sẽ lớn lên: một thế hệ đàn ông không bao giờ phải dùng tiền hoặc dùng những phương tiện quyền lực xã hội khác để mua sự hiến thân của người đàn bà, và một thế hệ đàn bà không bao giờ phải hiến mình cho đàn ông vì một lý do nào khác ngoài tình yêu chân chính, hoặc phải từ chối không dám hiến mình cho người yêu vì sợ những hậu quả kinh tế của sự hiến thân đó”(7). Khi thế hệ những con người đó xuất hiện, theo Ph.Ăngghen, “họ sẽ tự biết cần phải làm như thế nào” để xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Với quan niệm như vậy về gia đình và cái nhìn biện chứng về mối quan hệ giữa tình yêu, hôn nhân và gia đình, trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ph.Ăngghen đã luận giải mối quan hệ biện chứng này, khi coi tình yêu và hôn nhân như những nhu cầu bức thiết của con người tự do và là cơ sở nền tảng để xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 104 -105.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 118.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 128.

Nói về tình yêu và hôn nhân, trước hết Ph.Ăngghen khẳng định đó là những giá trị cao quý của con người, là những quyền hết sức cơ bản của con người - quyền được tự do yêu đương và tự do kết hôn. Quyền tự do yêu đương và tự do kết hôn này không chỉ là quyền cơ bản của người đàn ông, mà cả của người đàn bà. Bởi lẽ, họ đều là chủ thể, là những thành tố như nhau và không thể thiếu được của tình yêu và hôn nhân. Họ đều có quyền tự do yêu nhau, tự do đi đến hôn nhân và cộng đồng xã hội phải tôn trọng và bảo vệ, phải có nghĩa vụ và trách nhiệm tạo điều kiện cho họ được hưởng những quyền cao quý và hết sức thiêng liêng đó. Ông viết: “Kết hôn vì tình yêu đã được tuyên bố là quyền của con người; hơn nữa, không những là *droit de l'homme* (quyền của người đàn ông), mà còn là - đây là ngoại lệ - *droit de la femme* (quyền của người đàn bà)”(8).

Điều mà Ph.Ăngghen nói quyền tự do yêu đương và tự do kết hôn đối với người đàn bà là một “ngoại lệ”, bởi trong xã hội tư bản, mặc dù giai cấp tư sản cũng thừa nhận quyền tự do của con người trong tình yêu và hôn nhân, nhưng đó là quyền tự do chỉ áp dụng đối với những người đàn ông, còn những người đàn bà thì không, họ vẫn bị ép buộc và bị phân biệt đối xử trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Hơn nữa, quyền đó đối với người đàn bà là “ngoại lệ” còn bởi, trong xã hội tư bản, mọi thứ đều bị biến thành hàng hoá, tình yêu và hôn nhân cũng có thể trở thành hàng hoá, được mua bán theo những “hợp đồng kinh tế”. Một khi sở hữu tư nhân còn chiếm ưu thế so với sở hữu công cộng và người ta còn quan tâm nhiều đến việc thừa kế tài sản thì tình yêu và hôn nhân vẫn bị chi phối bởi lý do kinh tế - cái mà những người đàn ông trong xã hội tư bản chiếm địa vị chi phối.

Theo Ph.Ăngghen, tình yêu và hôn nhân không phải lúc nào cũng được nhìn nhận như là những giá trị cao quý, những quyền cơ bản của con người. Tuy suốt thời

kỳ trung cổ, người ta không thể nói tới tình yêu cá nhân giữa người đàn ông và đàn bà, càng không thể nói đến tự do yêu đương, tự do kết hôn; tình yêu xuất hiện giữa họ có chăng cũng chỉ do nghĩa vụ chứ hoàn toàn không phải do khát vọng chủ quan; tình yêu đó không phải là nguyên nhân dẫn đến hôn nhân, mà là kết quả của hôn nhân. Ông viết “Trong suốt thời cổ, các cuộc hôn nhân đều do cha mẹ quyết định thay cho con cái, và con cái đều yên tâm vâng theo. Nếu, trong thời cổ, người ta thấy có đôi chút tình yêu giữa vợ chồng, thì tình yêu không phải là một sở thích chủ quan, mà là một nghĩa vụ khách quan; không phải là cơ sở hôn nhân, mà là điều bổ sung cho hôn nhân”(9). Tình yêu và hôn nhân dưới chế độ này vẫn chỉ là tự do trong khuôn khổ do giai cấp tư sản quy định và bị chi phối bởi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Trong xã hội tư bản, Ph.Ăngghen khẳng định, đấu giai cấp tư sản “đã ngày càng thừa nhận quyền tự do ký kết cả trong việc kết hôn, và đã thực hành quyền ấy”, song “hôn nhân vẫn chỉ là hôn nhân giai cấp, nhưng trong phạm vi của giai cấp, người ta để cho những người hữu quan được tự do lựa chọn đến một mức độ nào đó”(10). Phân tích tình trạng hôn nhân và quan niệm về tình yêu trong xã hội tư bản, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, để có được tình yêu và hôn nhân thực sự tự do, trước hết cần phải xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xoá bỏ mọi sự áp bức, bóc lột, bởi đây chính là cơ sở dẫn đến sự mất tự do trong tình yêu và hôn nhân. Ông cho rằng, trong một xã hội mà tình yêu và hôn nhân còn “bị chi phối bởi những ảnh hưởng kinh tế” thì không thể có được tình yêu và hôn nhân thực sự tự do, nếu có chăng thì đó cũng chỉ là những trường hợp ngoại lệ. Do vậy, theo ông, để “cho quyền hoàn toàn tự do kết hôn được thực hiện đầy đủ và phổ biến” thì cần phải “xoá bỏ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và các quan hệ tài sản do nền sản xuất ấy tạo ra, phải gạt bỏ được tất cả

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 126.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 119.

những lý do kinh tế, - những lý do phụ - hiện vẫn ảnh hưởng rất lớn đến việc chọn vợ kén chồng”. Chỉ đến lúc ấy, theo ông, “mới không còn động cơ nào khác, ngoài tình thương yêu lẫn nhau”(11).

Như vậy, theo Ph.Ăngghen, cơ sở nền tảng của hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững phải là tình yêu, là tình thương yêu lẫn nhau một cách thực sự giữa hai người yêu nhau. Ở đây, quan hệ kinh tế, điều kiện sinh sống không phải là không cần thiết, song tiến đề quan trọng và quyết định vẫn cứ phải là tình yêu. Ph.Ăngghen khẳng định: “Trong lý thuyết đạo đức cũng như trong thơ ca, không một quan niệm nào được xác lập bất di bất dịch và vững chắc bằng quan niệm cho rằng bất cứ cuộc hôn nhân nào không dựa trên tình thương yêu lẫn nhau và trên sự thoả thuận thật sự tự do giữa hai vợ chồng, đều là vô đạo đức cả”(12). Và, “nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới là hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi”(13). Hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững được hình thành trên cơ sở của tình yêu và sự thoả thuận tự do thật sự giữa hai vợ chồng, theo Ph.Ăngghen, cần phải trở thành một nguyên tắc và bất cứ sự vi phạm nào đối với nguyên tắc này đều dẫn đến hôn nhân không tự do và cuộc sống gia đình không bền vững. Tình yêu này cần phải được duy trì, nuôi dưỡng và phát triển đầy đủ trong một cuộc sống gia đình bền vững và đến lượt mình, sự bền vững của tình yêu lại tùy thuộc vào chính hai con người yêu nhau, nhất là vào người đàn ông. Nếu tình yêu không còn thì cách tốt nhất đối với họ và cho cả xã hội là ly hôn. Ph.Ăngghen viết: “Sự thôi thúc của tình yêu cá thể giữa nam và nữ thì lại tùy từng người mà lâu dài rất khác nhau, nhất là đối với đàn ông; và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội. Chỉ cần tránh cho người ta khỏi sa chân vô ích vào vũng bùn kiện tụng để ly hôn mà thôi”(14).

Nói về vai trò quan trọng của pháp luật trong việc bảo vệ tình yêu và hôn nhân tự do của con người, Ph.Ăngghen cho rằng, một khi được pháp luật thừa nhận và bảo vệ thì tình yêu và hôn nhân tự do trở thành những quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của con người. Pháp luật không chỉ xác định địa vị bình đẳng của hai bên nam nữ trong quan hệ tình yêu và hôn nhân, những quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau, giữa họ với bố mẹ, con cái và các thành viên khác trong gia đình, mà còn quy định trách nhiệm của nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ quyền tự do yêu đương, tự do kết hôn của con người và cuộc sống gia đình của họ. Ông viết: “Hệ thống pháp luật của các nước văn minh hiện đại ngày càng thừa nhận rằng, một là, hôn nhân muốn có giá trị, phải là một giao kèo do hai bên tự nguyện ký kết, và hai là, suốt trong thời gian kết hôn với nhau, cả hai bên đều phải có những quyền lợi, những nghĩa vụ như nhau đối với nhau”(15).

Tình yêu là cơ sở nền tảng của hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững. Hôn nhân và cuộc sống gia đình bền vững là cái nôi nuôi dưỡng và bảo đảm cho tình yêu tồn tại lâu dài và ngày càng phát triển. Đó là thông điệp mà Ph.Ăngghen muốn gửi lại cho thế hệ chúng ta hôm nay.

Kỷ niệm 185 năm Ngày sinh Ph.Ăngghen, chúng ta cùng nhau nhắc lại quan niệm của ông về tình yêu, hôn nhân và gia đình, theo chúng tôi, đó là điều cần thiết và bổ ích, nhất là khi giờ đây, trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, đã có không ít người coi thường giá trị tình yêu, hôn nhân và cuộc sống gia đình; thậm chí, có người còn đặt giá trị vinh hạnh này xuống hàng thứ yếu so với đời sống kinh tế, tiện nghi vật chất và việc kiếm tiền, làm giàu bất chấp luân thường, đạo lý. □

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 125, 126.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 126.

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 126.

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 128.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 128.

(15) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 114.